TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:132/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân và bà Hoàng Thị Bích Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 540/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị Thu Th,** sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc H,** sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Thu Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 25-12-2012 tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, không quan tâm đến kinh tế gia đình, từ khi vợ chồng chị sinh đứa con đầu tiên vào ngày 13/11/2013 thì chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống và lo cho con nhưng trong thời gian vợ chồng không sống chung với nhau thì anh H vẫn không quan tâm đến chị và con, anh H cũng không chu cấp tiền cho chị để nuôi dưỡng con chung, nhưng vì

suy nghĩ đến con còn nhỏ và anh H hứa sẽ thay đổi nên chị đã đồng ý quay về sống chung với anh H. Sau khi về sống chung với nhau được một thời gian thì anh H vẫn không thay đổi bản thân, chị vẫn phải thường xuyên trở về nhà mẹ đẻ để sinh sống và nhờ giúp đỡ, cho nên cuộc sống chung vợ chồng hiện nay không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chị và anh H đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 10/2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 13-11-2013 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 18-9-2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên xảy ra cự cãi, xung đột với nhau, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay, nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn với chị Th.

- Về nuôi con: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 13-11-2013 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 18-9-2020. Nếu ly hôn thì anh đồng ý giao các con cho chị nuôi dưỡng và không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh cam kết không nhằm trốn trách nghĩa vụ với người nào khác.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th. Về hôn nhân: Cho chị Th được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cho

chị Th trực tiếp nuôi các con chung, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H có nơi cư trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Cao Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh H, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị Th là nguyên đơn và anh H là bị đơn, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 25-12-2012. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét lời khai của chị Th và anh H và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị Th và anh H đều thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra cự cãi, xung đột lẫn nhau, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, vận động, hòa giải nhưng chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh H cho rằng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng anh H không đưa ra được những cơ sở, cách thức để các bên có thể đoàn tụ; nên hòa giải đoàn tụ không thành. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, các đương sự đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị Th, anh H sớm có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh H.

- Về nuôi con: Chị Th và anh H có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 13-11-2013 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 18-9-2020. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H cũng đồng ý giao các con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Cháu M có nguyện vọng được sống với chị Th sau khi hai vợ chồng ly hôn.

Xét thấy, hiện nay chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, sau khi ly hôn anh H cũng đồng ý giao các con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M cũng có nguyện vọng được sống chung với chị Th. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho cháu M, cháu N tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu M, cháu N cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Thu Th.

- Về hôn nhân: Cho chị Cao Thị Thu Th được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

- Về nuôi con: Giao cho chị Cao Thị Thu Th trực tiếp nuôi các con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 13-11-2013 và Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 18-9-2020. Tạm thời anh H chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Cao Thị Thu Th và anh Nguyễn Ngọc H trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Cao Thị Thu Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002958 ngày 14-11-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tà Lài (Số 102, ngày 25-12-2012) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại